

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN
Địa chỉ : Xã Hóa An - Biên Hòa - ĐN

Mẫu số B 02a-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ II NĂM 2010

Đơn vị tính: đồng VN

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Quý II năm 2010		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	71,912,688,923	54,199,191,082	117,287,762,242	84,525,118,547
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp d	10		71,912,688,923	54,199,191,082	117,287,762,242	84,525,118,547
(10 = 01 - 02)						
4. Giá vốn hàng hóa	11	VI.27	41,957,882,692	30,040,680,734	66,124,102,844	48,827,240,372
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch	20		29,954,806,231	24,158,510,348	51,163,659,398	35,697,878,175
(20 = 10 - 11)						
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	7,669,597,186	5,029,978,148	8,462,875,764	6,302,513,359
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	1,075,750,416	233,508,769	1,075,750,416	631,754,013
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23					602,860,843
8. Chi phí bán hàng	24		2,547,055,573	1,800,244,348	4,536,219,936	2,964,715,008
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5,032,588,447	3,396,996,657	7,931,673,058	5,589,711,675
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28,969,008,981	23,757,738,722	46,082,891,752	32,814,210,838
(30 = 20 + (21 - 22) - (24+ 25)						
11. Thu nhập khác	31					
12. Chi phí khác	32					
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40					
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28,969,008,981	23,757,738,722	46,082,891,752	32,814,210,838
(50 = 30 + 40)						
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	7,171,251,170	3,961,317,539	11,407,760,537	5,436,083,159
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		21,797,757,811	19,796,421,183	34,675,131,215	27,378,127,679
(60 = 50 - 51-52)						
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2,171	1,960	3,453	2,727

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày 19 tháng 7 năm 2010

GIÁM ĐỐC